

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH 10**  
**Năm học 2015-2016**



**Tháng 05 năm 2015**

**MÔN NGỮ VĂN**

▪ Do chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học là yêu cầu, mức độ tối thiểu, nên khi đánh giá theo năng lực cần căn cứ vào nội dung môn học để xác định được những mức năng lực theo chuẩn và cao hơn chuẩn để tạo được sự phân hóa, nhằm đo được khả năng và sự tiến bộ của tất cả các đối tượng học sinh. Cần tăng cường ra các câu hỏi mở và tích hợp, gắn với thời sự quê hương, đất nước để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.

▪ Khi tiến hành kiểm tra, đánh giá cần căn cứ chuẩn Mức độ cần đạt và phần Ghi chú của từng chủ đề theo chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn để đặt câu hỏi, ra đề, xây dựng đáp án và hướng dẫn chấm; đồng thời cần đảm bảo thực hiện đúng những yêu cầu, nguyên tắc đổi mới kiểm tra, đánh giá năng lực học tập của học sinh.

**1. Thi tuyển sinh vào lớp 10:**

- Hình thức đề thi: Tự luận

I. Tiếng Việt	3 câu (có 1 ngữ liệu chung cho 3 câu hỏi (ngữ liệu có thể ngoài SGK)	3,0 điểm
II. Tập làm văn	1 câu nghị luận xã hội	3,0 điểm
	1 câu nghị luận văn học	4,0 điểm

• Nội dung thi: thực hiện theo những quy định và hướng dẫn ở Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (khối lớp 9), Tài liệu tập huấn dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn năm 2014.

- Mức độ :

Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
3.0	3.0	3.0	1.0

**2. Thi tuyển sinh lớp 10 chuyên Ngữ văn:**

- Hình thức đề thi và nội dung thi: như thi tuyển sinh vào lớp 10.
- Mức độ :

Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
2.0	3.0	3.0	2.0

**MÔN LỊCH SỬ**

**□ Thi vào lớp 10 chuyên Lịch sử:**

1. Nội dung thi: Những nội dung của phần Lịch sử Thế giới 1945-2000, Lịch sử Việt Nam 1919-2000 theo Chương trình sách giáo khoa lớp 9 và Chuẩn kiến thức, kỹ năng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cấu trúc đề thi:

Hình thức đề thi	Nội dung	Số lượng câu hỏi	Yêu cầu	Thang điểm	Mức độ
Tự luận	Lịch sử Thế giới	1-2	Kiểm tra kiến thức về sự kiện hoặc giai đoạn lịch sử + kỹ năng phân tích, so sánh, lập bảng,...	3,0	- Nhận biết: 30% - Thông hiểu: 40% - Vận dụng: 20% - Vận dụng cao: 10%
	Lịch sử Việt Nam	2-3		7,0	

-----

**MÔN ĐỊA LÝ**

**□ Thi vào lớp 10 chuyên Địa lí:**

**I. Nội dung:** Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam (Chương trình Địa lí lớp 9)

**II. Hình thức thi:** Tự luận, đề thi gồm 5 câu.

**III. Cấu trúc đề thi:**

**1. Phần kiến thức:**

Tên chủ đề	Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tỉ lệ điểm
				Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Chủ đề 1: Địa lí dân cư Việt Nam.		X	X	X	X	20%
Chủ đề 2: Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam.		X	X	X	X	60%
Chủ đề 3: Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam.		X	X	X	X	
Chủ đề 4: Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển - đảo.		X	X	X	X	20%
<b>Tỉ lệ điểm</b>		<b>30%</b>	<b>40%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>

**2. Phần kỹ năng:** Những kỹ năng cần tập trung rèn luyện:

- Trên cơ sở các số liệu: chọn và vẽ biểu đồ thích hợp nhất.
- Đọc và phân tích: Atlas, biểu đồ, đồ thị, số liệu thống kê...

*Lưu ý: Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, NXB Giáo dục để ôn tập và làm bài thi.*

-----

**MÔN TIẾNG ANH**

**❑ Thi vào lớp 10 công lập:**

- Hình thức đề thi: trắc nghiệm khách quan + tự luận ( không có phần nghe )
- Thời gian làm bài: 60 phút
- Nội dung đề thi: Chủ yếu là chương trình Tiếng Anh lớp 9.
- Tỷ lệ các mức độ nhận thức:

Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
4.0	2.0	2.0	2.0

- Đề thi gồm có 07 câu theo cấu trúc sau:

LOẠI HÌNH	CÂU & ĐIỂM	NỘI DUNG
TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN :	Question 1: ( 2 câu -----> 0.5 đ )	<b>Word Stress :</b> Chọn từ có <u>dấu nhấn chính</u> khác những từ còn lại.
	Question 2: ( 2 câu -----> 0.5 đ )	<b>Pronunciation :</b> Chọn từ có phần được gạch chân phát âm khác những từ còn lại.
	Question 3: ( 2 câu -----> 0.5 đ )	<b>Odd one out :</b> Chọn từ khác chủ đề với những từ còn lại hoặc có từ loại khác từ loại của những từ còn lại.
	Question 4: ( 12 câu -----> 3 đ )	<b>Grammar &amp; Vocabulary :</b> Chọn phương án đúng nhất.
	Question 5: ( 6 câu -----> 1.5 đ )	<b>Reading Comrehension : ( Answer )</b> Chọn phương án đúng nhất để trả lời câu hỏi /

		hoàn thành câu.
	Question 6: ( 8 câu -----> 2 đ )	<b>Reading Comrehension</b> : ( <b>Gap- filling</b> )  Chọn phương án đúng nhất để điền vào chỗ trống.
TỰ LUẬN	Question 7: ( 2đ )	<b>Writing :</b>  Viết một đoạn văn ngắn hoặc bài luận (khoảng 100 – 120 từ) về một chủ đề. Có cho phần nhắc.

CHÚ THÍCH : Trắc nghiệm & tự luận phát đề một lượt.

**❑ Thi vào lớp 10 chuyên Anh:**

- Hình thức đề thi: trắc nghiệm khách quan ( **có phần trắc nghiệm nghe hiểu** ) + tự luận
- Thời gian làm bài: 150 phút
- Nội dung kiểm tra: Chủ yếu là chương trình Tiếng Anh lớp 9.
- Tỷ lệ các mức độ nhận thức:

Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.0	3.0	3.0	3.0

- Đề thi gồm có 12 câu theo cấu trúc sau:

LOẠI HÌNH	CÂU & ĐIỂM	NỘI DUNG
TRẮC NGHIỆM	Question 1: ( 8 câu -----> 1 đ )	<b>Listening :</b>  MCQs (Choose A, B, or C) (3 lựa chọn)
	Question 2: ( 8 câu -----> 1 đ )	<b>Listening :</b>  CLOZE TEST (Điền khuyết)
	Question 3: ( 4 câu -----> 0.5 đ )	<b>Word Stress :</b> (Dấu nhấn chính)

<b>KHÁCH QUAN + TRẮC NGHIỆM TỰ LUẬN</b>  ( trong đó Question 6, 7, 8 là tự luận ; các Question còn lại là trắc nghiệm khách quan )	Question 4: ( 4 câu -----> 0.5 đ )	<b>Pronunciation :</b> (Phát âm)
	Question 5: ( 4 câu -----> 0.5 đ )	<b>Odd one out :</b> (Loại yếu tố không cùng nhóm)
	Question 6: ( 4 câu -----> 0.5 đ )	<b>Word Form :</b> (Cấu tạo từ)
	Question 7: ( 4 câu -----> 0.5 đ )	<b>Verb Tense &amp; Verb Form :</b> (Thì và hình thức động từ)
	Question 8: ( 8 câu -----> 1 đ )	<b>Sentence Transformation:</b> (viết lại câu không đổi nghĩa )
	Question 9: ( 8 câu -----> 1 đ )	<b>Matching:</b> (Ghép)
	Question 10: ( 8 câu -----> 1 đ )	<b>Reading Comprehension - Gap - Filling</b> ( ĐỌC HIỂU : điền chỗ trống )
	Question 11: ( 8 câu -----> 1 đ )	<b>Reading Comprehension - Answers</b> ( ĐỌC HIỂU : chọn đáp án đúng để trả lời )
<b>VIẾT LUẬN</b>	Question 12: ( 1.5 đ )	<b>Writing :</b>  Viết một đoạn văn ngắn hoặc bài luận (khoảng 200 từ) về một chủ đề

CHÚ THÍCH : Trắc nghiệm & tự luận phát đề một lượt.

-----

**MÔN TOÁN**

**□ Thi vào lớp 10 công lập:**

1. *Hình thức thi* : Tự luận

2. *Thời gian làm bài*: 120 phút

3. *Nội dung ôn tập*: Theo chương trình môn Toán Trung học cơ sở, chủ yếu là kiến thức lớp 9 theo chuẩn kiến thức, kỹ năng.

*Tài liệu tham khảo chính là sách giáo khoa, sách bài tập.*

4. *Cấu trúc đề thi*: Gồm các bài toán sắp xếp từ dễ đến khó, các câu hỏi thường độc lập với nhau. Nhiều nhất là 10 bài.

+ Đại số: 7 điểm

+ Hình học: 3 điểm

+ Phân chia điểm số :

<b>Cấp độ</b> <b>Điểm</b>	<b>Nhận biết</b>	<b>Thông hiểu</b>	<b>Vận dụng</b>		<b>Cộng</b>
			<b>Cấp độ thấp</b>	<b>Cấp độ cao</b>	
Điểm các cấp độ	1	2	4	3	10

**□ Thi vào lớp 10 chuyên Toán:**

1. *Hình thức thi* : Tự luận

2. *Thời gian làm bài*: 150 phút

3. *Nội dung ôn tập*: (chuyên toán và chuyên tin)

+ Theo chương trình môn Toán Trung học cơ sở, chủ yếu là kiến thức lớp 9.

+ Số học, đại số, hình học phẳng.

4. *Cấu trúc đề thi*: Gồm các bài toán sắp xếp từ dễ đến khó, các câu hỏi thường độc lập với nhau. Nhiều nhất là 10 bài.

+ Số học: 1 điểm

+ Đại số: 6 điểm



+ Hình học: 3 điểm

+ Phân chia điểm số :

<b>Cấp độ</b> <b>Điểm</b>	<b>Nhận biết</b>	<b>Thông hiểu</b>	<b>Vận dụng</b>		<b>Cộng</b>
			<b>Cấp độ thấp</b>	<b>Cấp độ cao</b>	
Điểm các cấp độ	0	2	4	4	10

-----

**MÔN VẬT LÝ**

**□ Thi vào lớp 10 chuyên Vật lý:**

1. *Thời lượng:* 150 phút
2. *Hình thức:* Tự luận hoàn toàn.
3. *Cấu trúc:* 10 điểm với 6 bài tập, cụ thể :

Chủ đề	Nội dung kiến thức	Cấp độ nhận thức Vận dụng
<b>Dòng điện không đổi</b>	Từ tiết 1 đến tiết 21 (theo phân phối chương trình) (Bài 1 đến bài 20 SGK)	3 bài tập
<b>Quang hình học</b>	Từ tiết 46 đến tiết 59 (theo PPCT) (Bài 40 đến bài 51 SGK)	2 bài tập
<b>Nhiệt học</b>	Phần nhiệt học lớp 8 nâng cao	1 bài tập

**Gồm:**

- + Điện học (**5,0 điểm**): 3 bài
  - Bài 1 (1,75 điểm): **Vận dụng**
  - Bài 2 (1,75 điểm): **Vận dụng**
  - Bài 3 (1,5 điểm): **Vận dụng cao**
- + Quang hình học (**3,0 điểm**): 2 bài
  - Bài 1 (2,0 điểm): **Vận dụng**
  - Bài 2 (1,0 điểm): **Vận dụng cao**
- + Nhiệt học (**2,0 điểm**): 1 bài

**Ghi chú:**

- + Điện học:
  - Không ra nguồn điện
  - Không ra phần điện từ học
- + Quang hình học :
  - Cho một thấu kính (không ghép thấu kính, có di chuyển thấu kính, di chuyển vật, di chuyển màn chắn)
  - Mắt : có ghép (mắt cận, mắt lão)
  - Được sử dụng công thức về thấu kính khi giải bài tập có liên quan (đề thi không giới hạn cách giải bằng công thức hay bằng phương pháp hình học).

4. *Nội dung:* Toàn bộ chương trình Vật lí 9 (bỏ phần từ nhưng phải dạy máy biến thế và truyền tải điện năng đi xa) và phần nhiệt học lớp 8 có nâng cao.

-----

**MÔN HÓA HỌC**

**❑ Thi vào lớp 10 công lập:**

**1. Thời lượng làm bài:** 60 phút.

**2. Nội dung đề thi:**

Toàn bộ nội dung kiến thức của chương trình Hóa học 9 hiện hành (50% vô cơ và 50% hữu cơ). Không ra phần nội dung giảm tải.

**3. Hình thức đề thi và các mức độ đánh giá**

**a. Hình thức đề thi**

Hình thức	Yêu cầu	Thang điểm
<b>Tự luận</b>	- Câu hỏi kiểm tra lý thuyết gồm: 1 câu vô cơ, 1 câu hữu cơ.	4,0
	- Bài tập: 1 câu vô cơ, 1 câu hữu cơ.	4,0
	- 01 câu hỏi kiểm tra về kiến thức thực hành thí nghiệm, 01 câu hỏi kiểm tra về tình huống thực tiễn đánh giá năng lực học sinh.	2,0

**b. Các mức độ đánh giá**

Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Tỉ lệ	40%	30%	20%	10%

**❑ Thi vào lớp 10 chuyên Hóa:**

**1. Thời lượng làm bài:** 150 phút.

**2. Nội dung đề thi:**

Toàn bộ nội dung kiến thức của chương trình Hóa học 8, 9 hiện hành (50% vô cơ và 50% hữu cơ). Có phần kiến thức nâng cao, có cả những nội dung giảm tải.

**3. Hình thức đề thi và các mức độ đánh giá:**

**a. Hình thức đề thi**

Hình thức	Yêu cầu	Thang điểm
<b>Tự luận</b>	- Câu hỏi kiểm tra lý thuyết gồm: 1 câu vô cơ, 1 câu hữu cơ.	4,0
	- Bài tập: 1 câu vô cơ, 1 câu hữu cơ.	4,0
	- 01 câu hỏi kiểm tra về kiến thức thực hành thí nghiệm, 01 câu hỏi kiểm tra về tình huống thực tiễn đánh giá năng lực học sinh.	2,0

**b. Các mức độ đánh giá**

Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Tỉ lệ	20%	30%	30%	20%

-----

**MÔN SINH HỌC**

**❑ Thi vào lớp 10 chuyên Sinh:**

1. Thời lượng làm bài: 150 phút.

2. Hình thức đề thi:

\* Hoàn toàn bằng tự luận.

\* Chỉ có **một đề duy nhất**, bắt buộc đối với tất cả mọi thí sinh.

\* Có khoảng 5 câu hỏi, mỗi câu có thể gồm một số câu hỏi nhỏ hơn.

\* Tổng thang điểm chung cho toàn bài là 10 theo qui định thống nhất. Thang điểm cụ thể cho mỗi câu hỏi – tương ứng với khối lượng nội dung của từng câu – sẽ được **ghi cụ thể trong đề thi**.

\* Thang điểm hai phần Di truyền: Sinh thái như sau: 5 : 5 hoặc 6 : 4.

3. Nội dung ôn tập (ra đề):

\* Nội dung đề thi sẽ giới hạn trong **toàn bộ nội dung kiến thức của chương trình Sinh học 9 hiện hành**.

	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Số câu hỏi và tỉ lệ điểm	2 câu (1 câu lý thuyết + 1 câu hình vẽ) Mỗi câu 2 điểm	1 câu (2 điểm)	1 câu (2 điểm)	1 câu (2 điểm)

\* **Về hình vẽ và bài tập di truyền:**

☞ Hình vẽ ( không quá 2,0 điểm ): Các hình 8.1, 8.3, bảng 9.2, 10, 15, 17.1, 19.2, 21.1, 23.2, 24.5, 32, 41.2, 47, 50.2 (cách vẽ chuỗi và lưới thức ăn) trong sách giáo khoa Sinh học 9 Nhà xuất bản giáo dục năm 2011.

☞ Bài tập ( 2,0 điểm ):

- Lai một và hai cặp tính trạng (dạng thuận và nghịch).

- Di truyền liên kết.

- Nhiễm sắc thể:

. Xác định số lần nguyên phân và số tế bào con được tạo ra sau nguyên phân.

. Xác định số NST môi trường cung cấp cho tế bào nguyên phân.

. Số tế bào con và số giao tử được tạo ra sau giảm phân.

- . Tính số hợp tử được tạo thành qua thụ tinh và hiệu suất thụ tinh của giao tử.
  - ADN và gen:
    - . Tính số Nu của ADN hoặc của gen.
    - . Tính khối lượng và chiều dài của ADN hoặc của gen.
    - . Tính số Nu tự do cần dùng cho quá trình tự nhân đôi.
    - . Tính số lần nhân đôi của ADN và số phân tử ADN con được tạo ra.
  - ARN:
    - . Tính số Nu của ARN.
    - . Tính khối lượng và chiều dài của ARN.
    - . Tính số Nu tự do cần dùng cho quá trình tổng hợp ARN.
  - Prôtêin:
    - . Tính số bộ ba mật mã và số axit amin.
    - . Tính số axit amin tự do cần dùng cho quá trình tổng hợp Prôtêin.
-